

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hoàng Thị Thanh Tâm;

- Bà Trần Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 98/2022/TB-HNGĐ ngày 06/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn C, xã Th, huyện V, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt- Có đơn xin vắng mặt”.

- Bị đơn: **Hà Mạnh C**, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã Th, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn khởi kiện và bản tự khai, chị L trình bày: Chị và anh Hà Mạnh C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/9/2016 tại UBND xã Thượng Bằng La, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, chị và anh C chung sống tại Thôn C, xã Th, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong cuộc sống chung chị L và anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C ngoại tình, nhiều lần đánh chị L. Chị L xác định không còn tình cảm với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị L và anh C có hai con chung là Hà B A, sinh ngày 28/3/2018 và Hà Minh K, sinh ngày 28/9/2019. Chị L nhận nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con với mức mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng, cả hai con là 2.000.000 đồng/1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hà Mạnh C không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 18/4/2022 Trưởng Thôn C, xã Th cho biết: Qua dư luận nắm bắt được là từ khi mua xe ô tô anh C không thấy về nhà. Từ tết âm lịch 2022 đến nay không thấy anh C lao động sản xuất ở địa phương, anh C có về nhà rồi lại đi ngay. Chị L và anh C có 02 con chung hiện nay đang ở cùng chị L, nếu vợ chồng anh chị ly hôn nên giao con cho chị L nuôi dưỡng thì đảm bảo hơn vì anh C hay đi làm ăn xa nhà, không trực tiếp chăm sóc được. Thu nhập cụ thể của chị L và anh C thì không nắm rõ được, nhưng thu nhập của người dân trong thôn là khoảng 3.000.000 đồng/tháng, chị L làm ruộng, có buôn bán tự do, anh C là lái xe và cũng buôn bán.

Tại biên bản xác minh ngày 18/4/2022 Phó Trưởng công an xã Thượng Bằng La cho biết: Anh C đi làm lái xe 2-3 ngày lại về, theo hồ sơ quản lý dữ liệu dân cư anh C vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã Th, huyện V, không đăng ký tạm trú ở nơi nào khác.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đạt các văn bản và triệu tập công khai chứng cứ, hòa giải hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình,

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L xử cho chị L được ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung là Hà B A, sinh ngày 28/3/2018 và Hà Minh K, sinh ngày 28/9/2019

cho chị L nuôi dưỡng, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/1 tháng/ 01 con, cả hai con là 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm chị L và anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hà Mạnh C có hộ khẩu thường trú tại xã Thượng Bằng La, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Hà Mạnh C vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Mạnh C kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Bằng La, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Chị L và anh C sinh sống đến ngày 01/01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C ngoại tình và đánh nhau nhiều lần. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là Hà B A, sinh ngày 28/3/2018 và Hà Minh K, sinh ngày 28/9/2019. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Hà Mạnh C cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/1 tháng/ 01 con, cả hai con là 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, qua xác minh tại địa phương chị L, anh C đều là lao động có thu nhập, có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy, các con chung hiện còn nhỏ và vẫn đang sinh sống cùng với chị L, để đảm bảo việc chăm lo, giáo dục con trẻ phát lành mạnh về thể chất, trí tuệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ và con chưa thành niên, cần giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh C có nghề nghiệp

là lái xe và buôn bán là người có thu nhập, trên cơ sở xem xét đến điều kiện thu nhập, khả năng thực tế của anh C và yêu cầu cấp dưỡng của chị L, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con cả hai con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng/ 01 con, cả hai con là 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đồng; anh Hà Mạnh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[7] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hà Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi cả hai con chung là Hà B A, sinh ngày 28/3/2018 và Hà Minh K, sinh ngày 28/9/2019. Anh Hà Mạnh C phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung, cả hai con là 2.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung mà anh Hà Mạnh C chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh Hà Mạnh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000965 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Hà Mạnh C phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Mạnh C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CC.THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long